

Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



L Thuế

▣ [L Thuế](#)

2 Thuế nhà nước

(2) Khai báo xác nhận

● Khai báo xác nhận là gì

Những doanh nghiệp cá nhân, nông dân, người buôn bán tự do thì phải tính toán số thu nhập trong một năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước, sau đó tính ra số thuế phải nộp và phải tiến hành khai báo xác nhận. Nhưng hầu hết những người làm công ăn lương thì không phải làm việc này.

Tuy nhiên, người làm công ăn lương thì cũng phải khai báo xác nhận trong những trường hợp sau:

- Thu nhập hằng năm vượt quá 20 triệu yên
- Nhận lương từ 2 nơi khác nhau.v.v...

Ngoài ra, khi tiến hành sửa đổi hoặc làm đăng ký lại tư cách lưu trú, có trường hợp cũng phải cần nộp bản phô-tô khai báo xác nhận, cho nên cần phải lưu giữ cẩn thận

* Trong trường hợp có người phải nuôi dưỡng đang sống tại quê nhà thì được miễn một phần thuế vào tiền nuôi dưỡng đó, do vậy những người có lương mà không nhận được sự miễn giảm này thì nên khai báo và nhận lại số tiền thuế đã nộp.

[Tham khảo] Trang web “Kanaru-Hamamatsu” của thành phố HAMAMATSU

<http://www.city.hamamatsu.shizuoka.jp/hamaj/index.html> (tiếng Nhật)

<http://www.city.hamamatsu.shizuoka.jp/hamapo/index.html> (tiếng Bồ Đào Nha)

<http://www.city.hamamatsu.shizuoka.jp/hamaEng/index.html> (tiếng Anh)

● Thủ tục cần thiết khi khai báo xác nhận

Giấy tờ cần thiết	Nơi nộp	Thời hạn	Lệ phí
1. Đơn khai báo xác nhận (có sẵn tại sở thuế vụ)	Sở thuế vụ	Từ ngày 16 tháng 2 đến hết ngày 15 tháng 3 năm đó	Miễn phí
2. Chứng minh thu nhập của năm trước (hoá đơn trung thu tại nguồn và hoá đơn chi trả)			
3. Thẻ chứng minh đăng ký ngoại kiều			
4. Đơn từ cần để đăng ký miễn giảm tiền nuôi dưỡng (giấy khai sinh của người cần nuôi dưỡng ở quê nhà và giấy chứng nhận gửi tiền về quê nhà)			
5. Đơn từ cần để đăng ký miễn giảm bảo hiểm (giấy chứng minh miễn giảm bảo hiểm)			
6. Con dấu hoặc ký nhận .v.v..			

Do chế độ quản lý lưu trú mới và chế độ đăng ký cư trú cơ bản của cư dân người nước ngoài sắp bắt đầu, dự kiến rằng các mục có liên quan sẽ thay đổi. (Dự định sẽ bắt đầu chế độ mới từ ngày 9 tháng 7 năm 2012)



Hiệp hội tư tri đoàn thể quốc tế hoa

Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



L Thuế

▶ L Thuế

Đơn khai báo xác nhận đơn thứ nhất

Sample 平成 年分の所得税の確定申告書 A FA0012

第一表 (平成十八年分以兼用)

住所 (又は居所)	フリガナ	氏名	性別 男 女	生年月日	電話番号 〒 〇〇〇〇 〇〇〇〇 〇〇〇〇
平成 年 1月1日 の住所		住所主の氏名	住所主との続柄		
(単位は円)					
収入金額等	給与 ①		課税される所得金額 (①-②)		000
	公的年金等 ④		上の①に対する税額		
	雑 ⑤		配当控除 ③		
	その他 ②		住宅借入金等特別控除 ⑥		
所得金額	配当 ③		政党等寄付金特別控除 ⑦		
	一時 ④		住宅耐震改修特別控除 ⑧		
	合計 (①+②+③+④) ⑤		差引所得税額 (⑤-⑥-⑦-⑧-⑨-⑩-⑪)		
			以率減税額 ⑫		
所得から差し引かれる金額	社会保障料控除 ⑥		源泉徴収税額 ⑪		
	小規模企業共済等掛金控除 ⑦		申告納税額 納める税金 (⑫-⑬-⑭) 還付される金 ⑮		00
	生命保険料控除 ⑧		配偶者の合計所得金額 ⑯		
	損害保険料控除 ⑨		課所得・一時所得の源泉徴収税額の合計額 ⑰		
	寡婦・寡夫控除 ⑩	0000	未納付の源泉徴収税額 ⑱		
	勤労学生・障害者控除 ⑪	0000	申告期限までに納付する金額 ⑲		00
	配偶者控除 ⑫	0000	区納區出額 ⑳		000
	配偶者特別控除 ⑬	0000			
	扶養控除 ⑭	0000			
	基礎控除 ⑮	0000			
⑯から⑳までの計 ⑰					
雑損控除 ⑱					
医療費控除 ⑲					
寄付金控除 ⑳					
合計 (⑰+⑱+⑲+⑳) ㉑					
届出済の口座 口座番号 記号番号		銀行 金融・信用 協会・信託		本送・支送 本所・支所	
郵便局 預金種別 賦課(源泉徴収)計算		納付 期日		納付 日付印	
区分 異動 管理 欄		A B C D E F G H I J K L 通 日付印		年 月 日 . . .	
納 管		事 務		住 民 機 関	

Nguồn: Sở thuế quốc gia



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



L Thuế

▣ L Thuế

Đơn khai báo xác nhận đơn thứ hai

Sample
平成 年分の所得税の確定申告書 A

〒 市 区 丁目 番 号 号 番

○ 所得から差し引かれる金額に関する事項

① 社会保険料の額	支払保険料	② 預金の種類	支払利息
③ 社会保険料の計	④ 社会保険料の計	⑤ 預金の種類	⑥ 支払利息の計
⑦ 一括の保険料の計		⑧ 長期預金の計	
⑨ 個人年金保険料の計		⑩ 短期預金の計	

⑪ 賞与(歳末)控除
 元月 年末中
 前年 未済還

⑫ 勤労学生控除
学校名 ()

氏名

⑬ 配偶者の氏名 生年月日 配偶者控除
明・大 前・中
 配偶者特別控除

⑭ 扶養親族の氏名 続柄 生年月日 控除額
明・大 月・日 万円
明・大
明・大
明・大

⑮ 扶養控除額の合計

○ 雑所得(公的年金等以外)・配当所得・一時所得に関する事項

所得の種類	種類・所得の生ずる場所	収入金額	必要経費等
		円	円
		円	円
		円	円

⑯ 源泉徴収控除の合計額

○ 特例適用条文等

○ 住民税に関する事項

<input type="checkbox"/> 給与所得以外の住民税の納付方法の変更 <input type="checkbox"/> 直年で納付(翌年返付)	<input type="checkbox"/> 給与から徴収(無年金返付)	⑰ 配偶に関する住民税の特例
		⑱ 非居住者の特例
		⑲ 配当割戻控除額

別居の配偶者、配偶者、扶養親族の氏名・住所

⑳ 居住先(住所)の所在地・名称 寄付金
⑳ 税理士
署名 押印
電話番号

税理士法第30条の書面提出有 税理士法第30条の書面提出無

第二表 平成十八年分以降用

○ 源泉徴収票、税理士組合発行料や社会保険料の支払記録簿など印を添付し、なければならぬ書類はこの欄には提出しない。

Nguồn: Sở thuế quốc gia

